

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN HẢI ÂU**

Địa chỉ: Số 40 Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 22



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Bà Phạm Thị Anh Thư	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hữu Hoàn	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/04/2022
Ông Đặng Hồng Trường	Thành viên	
Ông Trần Ngọc Sơn	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Mạnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/04/2022

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Minh Lộc	Trưởng ban
Bà Nguyễn Phương Liên	Thành viên
Ông Lê Thanh Phúc	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Hồng Trường	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Giám đốc

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

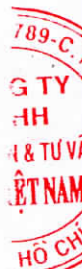
#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN HẢI ÂU

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Đặng Hồng Trường**

**Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2023



# RSM

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building  
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +8428 3827 5026  
F +8428 3827 5027

[www.rsm.global/vietnam](http://www.rsm.global/vietnam)

Số: 227/2023/KT-RSMHCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2023 từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**THE POWER OF BEING UNDERSTOOD**  
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)****Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC****Đặng Thị Hồng Loan**  
**Phó Tổng Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2023-026-1**Lý Trung Thành**  
**Kiểm toán viên**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
2822-2020-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2023

*Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>65.387.729.009</b>	<b>13.087.215.023</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>57.646.249.677</b>	<b>5.927.014.135</b>
1. Tiền	111		36.346.249.677	5.927.014.135
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.300.000.000	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.304.899.981</b>	<b>5.664.348.325</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	1.222.766.337	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	5.398.519.952
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	1.082.133.644	265.828.373
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>471.376.507</b>	<b>181.639.517</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.4	471.376.507	181.639.517
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.965.202.844</b>	<b>1.314.213.046</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	2.178.503.171	540.798.316
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.786.699.673	773.414.730
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>21.012.556.515</b>	<b>14.063.275.383</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		5.000.000	5.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.814.043.430</b>	<b>11.901.678.374</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.5	1.814.043.430	1.901.678.374
Nguyên giá	222		179.551.553.549	179.551.553.549
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(177.737.510.119)	(177.649.875.175)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.6	10.000.000.000	10.000.000.000
Nguyên giá	228		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.193.513.085</b>	<b>2.156.597.009</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	9.193.513.085	2.156.597.009
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>86.400.285.524</b>	<b>27.150.490.406</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>17.589.266.724</b>	<b>16.723.093.996</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17.589.266.724</b>	<b>16.719.093.996</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.8	553.234.780	205.132.240
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.9	8.948.028.720	18.697.552
3. Phải trả người lao động	314	4.10	68.125.208	393.000.000
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	7.031.469.879	15.134.095.543
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	980.768.087	960.528.611
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.640.050	7.640.050
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>4.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	4.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>68.811.018.800</b>	<b>10.427.396.410</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.13	<b>68.811.018.800</b>	<b>10.427.396.410</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(188.100.000)	(188.100.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.999.118.800	(39.384.503.590)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(39.384.503.590)	(43.490.520.216)
LNST chưa phân phối năm nay	421b		58.383.622.390	4.106.016.626
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>86.400.285.524</b>	<b>27.150.490.406</b>



Phê duyệt

**Đặng Hồng Trường**  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập

**Lê Thanh Hà**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	93.793.087.373	29.267.413.076
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	93.793.087.373	29.267.413.076
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	25.190.249.693	22.527.937.256
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.602.837.680	6.739.475.820
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.479.160.468	72.448.372
6. Chi phí tài chính	22	5.4	402.447.879	40.537.348
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	1.164.630.097	365.569.923
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	2.947.978.078	2.299.800.295
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		65.566.942.094	4.106.016.626
10. Thu nhập khác	31	5.7	5.263.772.197	-
11. Lợi nhuận khác	40		5.263.772.197	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.830.714.291	4.106.016.626
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	12.447.091.901	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		58.383.622.390	4.106.016.626
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	11.721	824
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.4	11.721	824



**Đặng Hồng Trường**

**Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2023

**Người lập**

**Lê Thanh Hà**

**Kế toán trưởng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		70.830.714.291	4.106.016.626
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	87.634.944	7.135.877.212
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		370.550.007	(13.766.403)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	5.3	(546.433.170)	(56.346)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		70.742.466.072	11.228.071.089
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.884.801.792	(5.420.830.661)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(289.736.990)	87.561.645
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.774.214.232)	(127.610.664)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(8.674.620.931)	2.576.443.022
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.302.704.941)	(3.030.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(3.500.000.000)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>52.081.990.770</b>	<b>5.313.634.431</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		102.759	56.346
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>102.759</b>	<b>56.346</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>52.082.093.529</b>	<b>5.313.690.777</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.927.014.135	599.556.955
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(362.857.987)	13.766.403
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>				
<b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>57.646.249.677</b>	<b>5.927.014.135</b>



**Đặng Hồng Trường**  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người lập

**Lê Thanh Hà**  
Kê toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000083 ngày 01 tháng 06 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 11 năm 2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP	Việt Nam	13.230.000.000	26,46	13.230.000.000	26,46
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	Việt Nam	11.596.100.000	23,19	10.568.300.000	21,14
Tổng công ty Bảo việt Nhân Thọ	Việt Nam	4.410.000.000	8,82	4.410.000.000	8,82
Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam)	Việt Nam	4.409.000.000	8,82	4.409.000.000	8,82
Ông Nguyễn Hải Linh	Việt Nam	4.631.500.000	9,26		
Các cổ đông khác	Việt Nam	11.723.400.000	23,45	17.382.700.000	34,76
<b>Cộng</b>		<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 40 Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 26 (31/12/2021: 29).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải biển trong và ngoài nước;
- Thực hiện các giao dịch đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức;
- Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.4. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                  |             |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 50 năm      |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 05 năm      |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 06 – 20 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý      | 03 năm      |

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

**3.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến mua vật tư và chi phí sửa chữa tàu. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ từ 2 tháng đến 36 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ 3 tháng;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 2 năm đến 3 năm.

**3.9. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.10. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.12. Doanh thu cung cấp dịch vụ, thu thập khác**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**3.14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

**3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**3.16. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ vận tải biển: 0%
- Dịch vụ cho thuê văn phòng: 10%

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

361  
CÔNG  
TNI  
TOÁN  
MVI  
T.P

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	43.963.894	10.183.498
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.302.285.783	5.916.830.637
Các khoản tương đương tiền	21.300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>57.646.249.677</u></b>	<b><u>5.927.014.135</u></b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Là khoản phải thu của Seapioneer Shipping Co., Ltd.

**4.3. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn	546.330.411	-	-	-
Tiền ăn tàu Sea Dream	317.672.460	-	47.697.600	-
Phải thu bảo hiểm bồi thường	218.130.773	-	218.130.773	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.082.133.644</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>265.828.373</u></b>	<b><u>-</u></b>

**4.4. Hàng tồn kho**

Chủ yếu là dầu nhớt và phụ tùng thay thế phục vụ cho tàu biển.

(Xem tiếp trang sau)

789-C  
TY  
IH  
& TƯ  
T NAI  
HỒ C

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	2.190.873.689	177.360.679.860	179.551.553.549
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>2.190.873.689</b>	<b>177.360.679.860</b>	<b>179.551.553.549</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	289.195.315	177.360.679.860	177.649.875.175
Khấu hao trong năm	87.634.944	-	87.634.944
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>376.830.259</b>	<b>177.360.679.860</b>	<b>177.737.510.119</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	1.901.678.374	-	1.901.678.374
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>1.814.043.430</b>	<b>-</b>	<b>1.814.043.430</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 177.360.679.860 VND.

**4.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**4.7. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa tàu và công cụ dụng cụ và phụ tùng thay thế	2.178.503.171	540.798.316
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa tàu	8.965.473.908	1.655.316.201
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	228.039.177	501.280.808
<b>Cộng</b>	<b>9.193.513.085</b>	<b>2.156.597.009</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Kỹ Thuật Phanta	207.038.280	207.038.280	-	-
Hộ kinh doanh Thanh Long				
Quyên – Trần Tiến Anh Triều	90.267.000	90.267.000	-	-
Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Kỹ Thuật Điện, Điện Tử Hàng Hải	56.160.000	56.160.000	-	-
Segero Enterprise	53.843.000	53.843.000	131.239.920	131.239.920
Phải trả cho các đối tượng khác	145.926.500	145.926.500	73.892.320	73.892.320
<b>Cộng</b>	<b>553.234.780</b>	<b>553.234.780</b>	<b>205.132.240</b>	<b>205.132.240</b>

**4.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2022	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2022
	VND			VND
Thuế GTGT	-	3.272.727	3.272.727	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.947.091.901	12.447.091.901	3.500.000.000	
Thuế thu nhập cá nhân	936.819	78.823.596	97.174.729	19.287.952
Các loại thuế khác	-	590.400	-	(590.400)
<b>Cộng</b>	<b>8.948.028.720</b>	<b>12.529.778.624</b>	<b>3.600.447.456</b>	<b>18.697.552</b>
Cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			(590.400)
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.948.028.720			19.287.952

**4.10. Phải trả người lao động**

Là khoản tiền lương còn phải trả cho một số thuyền viên.

**4.11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm tàu	74.300.765	71.034.797
Chi phí lãi vay (*)	6.797.169.114	14.363.646.252
Phải trả tiền dầu DO, dầu FO và tạm ứng	160.000.000	699.414.494
<b>Cộng</b>	<b>7.031.469.879</b>	<b>15.134.095.543</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(\*) Là khoản lãi vay được gia hạn còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam từ các năm trước.

**4.12. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	-	2.360.524
Phải trả cổ tức	807.073.600	807.073.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	173.694.487	151.094.487
<b>Cộng</b>	<b>980.768.087</b>	<b>960.528.611</b>

**4.13. Vốn chủ sở hữu****4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2021	50.000.000.000	(188.100.000)	(43.490.520.216)	6.321.379.784
Lãi trong năm trước	-	-	4.106.016.626	4.106.016.626
Tại ngày 01/01/2022	50.000.000.000	(188.100.000)	(39.384.503.590)	10.427.396.410
Lãi trong năm nay	-	-	58.383.622.390	58.383.622.390
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>(188.100.000)</b>	<b>18.999.118.800</b>	<b>68.811.018.800</b>

**4.13.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP	13.230.000.000	13.230.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	11.596.100.000	10.568.300.000
Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	4.410.000.000	4.410.000.000
Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam)	4.409.000.000	4.409.000.000
Ông Nguyễn Hải Linh	4.631.500.000	-
Các cổ đông khác	11.723.400.000	17.382.700.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.13.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(18.810)	(18.810)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.981.190	4.981.190

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

**4.13.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	58.383.622.390	4.106.016.626
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm	4.981.190	4.981.190
<b>Lãi cơ bản và lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>11.721</b>	<b>824</b>

**4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Ngoại tệ các loại:		
USD	1.541.927,79	254.161,13

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	93.760.360.100	29.245.594.894
Doanh thu cho thuê văn phòng	32.727.273	21.818.182
<b>Cộng</b>	<b>93.793.087.373</b>	<b>29.267.413.076</b>

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển năm nay tăng gấp 320% so với năm trước chủ yếu là do giá cước cho thuê tàu vận tải biển tăng cao trong năm 2022, cụ thể giá cước cho thuê bình quân năm 2022 tăng gấp 295% so với giá cước cho thuê bình quân năm 2021.

**5.2. Giá vốn cung cấp dịch vụ**

Là giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển và cho thuê văn phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	546.433.170	56.346
Lãi chênh lệch tỷ giá	932.727.298	72.392.026
<b>Cộng</b>	<b>1.479.160.468</b>	<b>72.448.372</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

Chủ yếu là lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**5.5. Chi phí bán hàng**

Là các khoản chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	1.701.795.456	1.591.946.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	26.507.959	18.442.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.634.944	87.634.944
Thuế môn bài	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.189.807	54.888.612
Chi phí khác bằng tiền	1.072.849.912	543.888.412
<b>Cộng</b>	<b>2.947.978.078</b>	<b>2.299.800.295</b>

**5.7. Thu nhập khác**

Là khoản miễn lãi theo thông báo số 55/2022/TB-HCM ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) và theo thông báo số 034564.21 ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB).

**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.066.394.362	2.809.744.583
Chi phí nhân công	10.622.218.908	6.707.160.281
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.634.944	7.135.877.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.273.073.810	6.640.993.699
Chi phí khác bằng tiền	3.258.535.844	1.899.531.699
<b>Cộng</b>	<b>29.302.857.868</b>	<b>25.193.307.474</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là cho thuê tàu vận tải biển và hoạt động hoàn toàn tại Việt Nam, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

1. Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP
2. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
3. Bà Nguyễn Thị Mai Phương

**Mối quan hệ**

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể  
Nhân sự quản lý chủ chốt  
Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể

Thù lao Hội đồng quản trị trong năm như sau:

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Bà Phạm Thị Anh Thư – Chủ tịch HĐQT	39.000.000	17.000.000
Ông Trần Ngọc Sơn – Thành viên HĐQT	33.000.000	14.500.000
Ông Nguyễn Đức Mạnh – Thành viên HĐQT	33.000.000	14.500.000
Ông Đặng Hồng Trường – Thành viên HĐQT	-	6.041.667
<b>Cộng</b>	<b>105.000.000</b>	<b>52.041.667</b>

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Ông Đặng Hồng Trường – Giám đốc	279.000.006	168.456.002
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Phó Giám đốc	236.402.773	124.898.986
Ông Nguyễn Hữu Hoàn – Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/06/2021)	-	157.723.000
<b>Cộng</b>	<b>515.402.779</b>	<b>451.077.988</b>

**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	<b>Năm 2022</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2021</b> <b>VND</b>
Ông Nguyễn Minh Lộc – Trưởng ban	33.000.000	14.500.000
Ông Lê Thanh Phúc – Thành viên	28.000.000	12.500.000
Bà Nguyễn Phương Liên – Thành viên	28.000.000	12.500.000
<b>Cộng</b>	<b>89.000.000</b>	<b>39.500.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU**

Địa chỉ: Số 40, Đường số 1, Khu phố 3, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**9. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 1 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	32.727.273	21.818.182

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến 31 tháng 12 năm 2022 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoại trừ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 như đã nêu, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

**Phê duyệt**



**Đặng Hồng Trường**  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2023

**Người lập**

**Lê Thanh Hà**  
Kế toán trưởng